

*Báo cáo của Hội đồng Thành viên
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
THÉP POMINA**

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Báo cáo của Hội đồng Thành viên	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	3
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2007	4 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 22

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÉP POMINA
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng Thành viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn thép POMINA (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007.

1. Hội đồng Thành viên

Danh sách các thành viên Hội đồng Thành viên trong năm 2007 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm :

Ông Võ Thành Hùng	Chủ tịch
Ông Đặng Phước Dừa	Thành viên
Ông Đỗ Duy Thái	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Hà	Thành viên

2. Trụ sở hoạt động

Văn phòng và nhà xưởng Công ty đặt tại đường số 27, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

3. Ngành nghề hoạt động

Theo giấy phép thành lập số 17 GP/TLDN do Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp ngày 16/8/1999, ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất thép thanh, thép dây.

4. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 4 đến trang 22.

Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	29.157.821.960 đồng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.028.539.037) đồng
Lợi nhuận sau thuế	27.129.282.923 đồng

Theo ý kiến của Hội đồng Thành viên, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính đã được lập trong báo cáo này sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào trong năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo này.

Cũng theo ý kiến của Hội đồng Thành viên, không có khoản nợ không lường trước hay các khoản nợ khác có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán nợ của Công ty và khi các khoản nợ này đến hạn, ngay cả khi Công ty bị bắt buộc phải trả hay gần như vậy trong vòng 12 tháng sau ngày kết thúc niên độ.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Hội đồng Thành viên cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty.

5. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính và đảm bảo các báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Để lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh hợp lý chính xác tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ Chế độ Kế toán Việt Nam, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn hiện hành của Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện các sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán (AFC) được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007.

7. Ý kiến của Hội đồng Thành viên

Theo ý kiến của Hội đồng Thành viên, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 31/12/2007.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Bình Dương, ngày 18 tháng 1 năm 2007

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**

VÕ THÀNH HÙNG

TP.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 1 năm 2008

Số: 165/BCKT-2007

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng thành viên và các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÉP POMINA**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán (AFC) đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2007, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007 của Công ty trách nhiệm hữu hạn thép POMINA (dưới đây gọi tắt là “Công ty”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Các báo cáo tài chính đính kèm theo bản báo cáo này được Ban Giám đốc của Công ty lập theo chế độ kế toán Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về báo cáo tài chính này dựa vào kết quả của quá trình kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót có tính trọng yếu hay không. Trên cơ sở trắc nghiệm, chúng tôi đã xem xét một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong các báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo chúng tôi, xét trên phương diện trọng yếu thì báo cáo tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn thép POMINA, đính kèm theo đây, đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2007, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên và được lập phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

KIỂM TOÁN VIÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ MAI HƯƠNG
Chứng chỉ KTV số 0417/KTV

VŨ THỊ THỌ
Chứng chỉ KTV số Đ.0065/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.244.221.114.044	1.215.302.261.167
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(V.1)	4.107.171.059	38.170.253.348
1. Tiền	111		4.107.171.059	38.170.253.348
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	(V.2)	934.153.246.673	584.822.787.489
1. Phải thu khách hàng	131		637.076.399.165	574.053.584.263
2. Trả trước cho người bán	132		297.076.847.508	10.769.203.226
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		-	-
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	(V.3)	253.034.616.609	489.451.235.080
1. Hàng tồn kho	141		253.336.545.512	490.189.617.091
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(301.928.903)	(738.382.011)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		52.926.079.703	102.857.985.250
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(V.4)	6.488.918.794	2.232.849.394
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		38.486.485.909	13.333.605.970
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(V.5)	7.950.675.000	87.291.529.886

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		171.799.817.383	232.723.128.603
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		150.019.012.557	210.576.162.266
1. TSCĐ hữu hình	221	(V.6)	150.007.858.740	210.576.162.266
- Nguyên giá	222		413.428.940.913	413.876.691.593
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(263.421.082.173)	(203.300.529.327)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(V.7)	11.153.817	-
- Nguyên giá	228		13.384.580	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.230.763)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	(V.8)	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.500.000.000	3.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		21.780.804.826	22.146.966.337
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(V.9)	21.780.804.826	22.146.966.337
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.416.020.931.427	1.448.025.389.770

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.239.773.726.721	1.286.527.027.690
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		1.184.775.826.020	1.190.749.192.366
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(V.10)	633.044.591.613	652.864.158.680
2. Phải trả cho người bán	312	(V.11)	537.756.126.736	513.784.451.474
3. Người mua trả tiền trước	313	(V.11)	11.464.976.821	179.820.089
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	(V.12)	1.668.425.852	23.144.810.616
5. Phải trả công nhân viên	315		680.282.107	618.285.549
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		161.422.891	157.665.958
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		54.997.900.701	95.777.835.324
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	(V.14)	54.812.149.192	95.741.143.647
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	(V.13)	141.313.141	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		44.438.368	36.691.677
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		176.247.204.706	161.498.362.080
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410		173.922.594.089	159.757.709.609
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(V.15)	143.298.744.652	143.298.744.652
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	(V.15)	3.686.964.956	1.009.122.176
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	(V.15)	4.179.000.000	2.886.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(V.16)	22.757.884.481	12.563.842.781
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	430		2.324.610.617	1.740.652.471
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431	(V.15)	2.324.610.617	1.740.652.471
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.416.020.931.427	1.448.025.389.770

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	<i>Thuyết minh</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		2.642,78	2.141.881,69
- EUR		52,67	52,43
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 18 tháng 1 năm 2008

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NHỰT TRƯỜNG

ĐỖ TIẾN SĨ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu	01		6.148.982.168.647	3.850.553.590.241
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10	(V.17)	6.148.982.168.647	3.850.553.590.241
4. Giá vốn hàng bán	11	(V.18)	6.038.540.558.382	3.730.995.473.268
5. Lợi nhuận gộp	20		110.441.610.265	119.558.116.973
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(V.17)	12.101.717.816	223.017.770
7. Chi phí tài chính	22	(V.19)	77.188.724.259	74.723.337.846
- Trong đó: lãi vay	23		51.953.224.808	41.658.716.237
8. Chi phí bán hàng	24	(V.20)	9.643.232.776	10.872.157.920
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(V.21)	7.245.137.886	6.246.039.488
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		28.466.233.160	27.939.599.489
11. Thu nhập khác	31	(V.22)	691.588.800	43.171.318
12. Chi phí khác	32		-	5.227.611
13. Lợi nhuận khác	40		691.588.800	37.943.707
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.157.821.960	27.977.543.196
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(V.23)	1.887.225.896	2.098.315.740
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(V.24)	141.313.141	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.129.282.923	25.879.227.456

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 18 tháng 1 năm 2008
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NHỰT TRƯỜNG

ĐỖ TIẾN SĨ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	29.157.821.960	27.977.543.196
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	60.377.108.609	60.869.245.992
- Các khoản dự phòng	03	(436.453.108)	(1.175.785.238)
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	423.875.000	3.500.000.000
- Chi phí lãi vay	06	51.953.224.808	41.658.716.237
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	141.475.577.269	132.829.720.187
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(295.142.484.237)	(120.026.057.512)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	236.853.071.579	(220.808.672.837)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	12.474.974.938	194.993.776.292
- Tăng/ (giảm) chi phí trả trước	12	(3.889.907.889)	3.885.337.207
- Tiền lãi vay đã trả	13	(51.953.224.808)	(41.658.716.237)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.460.834.642)	(1.464.484.829)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	100.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4.127.859.077)	(785.316.497)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	34.229.313.133	(52.934.414.226)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
- Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(243.833.900)	(693.194.301)
- Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(243.833.900)	(693.194.301)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.831.563.062.812	2.081.240.665.035
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.892.311.624.334)	#####
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.300.000.000)	(30.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(68.048.561.522)	67.399.435.337
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(34.063.082.289)	13.771.826.810
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	38.170.253.348	24.398.426.538
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	4.107.171.059	38.170.253.348

Ngày 18 tháng 1 năm 2008

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NHỰT TRƯỜNG

ĐỖ TIẾN SĨ

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÉP POMINA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. Đặc điểm hoạt động

Công ty trách nhiệm hữu hạn thép POMINA - tên trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn An Việt – (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty được thành lập theo giấy phép thành lập số 17GP/TLDN do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp ngày 16/08/1999; và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 072073 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/08/1999, đã đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 01/10/2007.

Thời gian hoạt động là 30 năm kể từ ngày cấp giấy phép thành lập.

Văn phòng và nhà máy Công ty được đặt tại Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ngành nghề hoạt động: sản xuất thép thanh, thép dây.

II. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng

Niên độ kế toán được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Việt Nam đồng.

III. Tuân thủ hệ thống kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đã được biết rằng cho đến ngày lập báo cáo tài chính đã có hai mươi sáu (26) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành như sau :

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1) ; Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2) và Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn chi tiết thi hành các chuẩn mực này đã được ban hành theo Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành các chuẩn mực này đã được ban hành theo Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính.

- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành các chuẩn mực này đã được ban hành theo Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính.

Tuân thủ các quyết định và thông tư về các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn Hệ thống Kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập các báo cáo tài chính.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÉP POMINA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

IV. Tóm lược các chính sách kế toán quan trọng

Quy ước kế toán chung

Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng một cách nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Các nghiệp vụ ngoại tệ

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm tiền tệ hạch toán để lập các báo cáo tài chính. Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch do chuyển đổi ngoại tệ được kết chuyển vào tài khoản lãi lỗ.

Vào ngày lập báo cáo tài chính, tiền và công nợ bằng ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch do việc chuyển đổi tiền, công nợ này được hạch toán vào tài khoản lãi lỗ.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Giá trị hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá thành thành phẩm bao gồm nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Khi cần thiết thì việc lập dự phòng được thực hiện cho hàng tồn kho bị giảm giá, lỗi thời, chậm luân chuyển và hư hỏng.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÉP POMINA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản cố định

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao phù hợp với quy định của Nhà nước. Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau :

Nhà, xưởng và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	2 - 6 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 năm

Chi phí chuẩn bị sản xuất

Chi phí chuẩn bị sản xuất của Công ty bao gồm các khoản chi phí phát sinh sau khi được cấp giấy phép thành lập cho đến khi Công ty hoàn tất việc xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và đi vào sản xuất chính thức. Những chi phí này sẽ được phân bổ trong 3 năm kể từ khi Công ty đi vào hoạt động chính thức.

Tiền thuê đất trả trước dài hạn

Tiền thuê đất trả trước dài hạn được ghi nhận vào khoản mục chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê.

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

Doanh thu

Doanh thu thể hiện trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là doanh thu được ghi nhận khi sản phẩm đã được cung cấp.

Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế

Trong năm tài chính này, Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế như sau :

- Bảo hiểm xã hội được trích trên lương hợp đồng vào chi phí là 15% và 5% từ lương công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương thực tế vào chi phí là 2% và 1% từ lương công nhân viên.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty được hưởng thuế suất bằng 15% lợi nhuận thu được từ năm 2004 đến năm 2013 và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2004 và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Đây là năm thứ 3 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÉP POMINA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tiền

	31/12/2007	01/01/2007
Tiền mặt – VND	764.996.003	765.656.043
Tiền gửi ngân hàng – VND	3.298.630.090	2.938.728.315
Tiền gửi ngân hàng – USD	42.310.908	34.464.927.516
Tiền gửi ngân hàng – EUR	1.234.058	941.474
Cộng	4.107.171.059	38.170.253.348

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2007	01/01/2007
Phải thu thương mại	637.076.399.165 (a)	574.053.584.263
Ứng trước cho nhà cung cấp	297.076.847.508 (b)	10.769.203.226
Cộng	934.153.246.673	584.822.787.489

(a) Trong đó chủ yếu phải thu tiền bán hàng từ Công ty TNHH Thép Việt - chủ đầu tư - là 637.075.205.540 đồng.

(b) Trong đó chủ yếu là khoản ứng 17.570.036,25 USD (tương đương 281.296.280.363 đồng) để mua phôi từ Công ty TNHH Reeferway và ứng tiền mua phụ tùng cho Công ty S.I.M.A.C.S.P.A là 641.250,00 EUR (tương đương 15.024.487.500 đồng).

3. Hàng tồn kho

	31/12/2007	01/01/2007
Nguyên liệu phôi	193.462.219.440	241.743.094.673
Vật liệu phụ	58.855.017	6.808.036
Nhiên liệu	4.355.250.350	788.780.877
Phụ tùng thay thế	23.458.787.102	20.585.728.273
Vật tư xây dựng cơ bản	900.043.168	189.849.172
Công cụ, dụng cụ trong kho	242.728.810	203.524.031
Thành phẩm tồn kho	30.858.661.625	226.671.832.029
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(301.928.903)	(738.382.011)
Cộng	253.034.616.609	489.451.235.080

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÉP POMINA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2007	01/01/2007
Trục cán	3.338.216.015	2.187.470.579
Chi phí tài trợ chương trình “Ngôi nhà mơ ước”	1.925.000.000	-
Chi phí tài trợ chương trình “Câu chuyện mơ ước”	1.050.000.000	-
Chi phí khác	175.702.779	45.378.815
Cộng	6.488.918.794	2.232.849.394

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2007	01/01/2007
Tạm ứng	83.000.000	139.886.924
Ký quỹ thanh toán L/C nhập phiêi :	7.867.675.000	87.151.642.962
- Ký quỹ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	7.867.675.000	18.158.693.500
- Ký quỹ tại Ngân hàng Công thương – Sở GD II	-	68.992.949.462
Cộng	7.950.675.000	87.291.529.886

6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư 01/01/2007	35.523.740.549	351.450.554.149	25.839.203.028	1.063.193.867	413.876.691.593
- Mua trong kỳ	-	-	-	230.449.320	230.449.320
- Giảm khác	-	-	(678.200.000)	-	(678.200.000)
Số dư 31/12/2007	35.523.740.549	351.450.554.149	25.161.003.028	1.293.643.187	413.428.940.913
Khấu hao lũy kế					
Số dư 01/01/2007	5.571.860.773	183.499.722.307	13.717.156.620	511.789.627	203.300.529.327
- Khấu hao trong kỳ	1.825.297.164	54.047.163.041	4.342.092.022	160.325.619	60.374.877.846
- Giảm khác	-	-	(254.325.000)	-	(254.325.000)
Số dư 31/12/2007	7.397.157.937	237.546.885.348	17.804.923.642	672.115.246	263.421.082.173
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2007	29.951.879.776	167.950.831.842	12.122.046.408	551.404.240	210.576.162.266
Vào ngày 31/12/2007	28.126.582.612	113.903.668.801	7.356.079.386	621.527.941	150.007.858.740

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 15.778.297.616 đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 25.601.483.834 đồng.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÉP POMINA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	<i>Phần mềm</i>
Nguyên giá	
Số dư 01/01/2007	-
- Mua trong kỳ	13.384.580
- Giảm khác	-
Số dư 31/12/2007	13.384.580
Khấu hao lũy kế	
Số dư 01/01/2007	-
- Khấu hao trong kỳ	2.230.763
- Giảm khác	-
Số dư 31/12/2007	2.230.763
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2007	-
Vào ngày 31/12/2007	11.153.817

8. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2007	01/01/2007
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	3.500.000.000	3.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
Cộng	-	-

Trong năm 2006, Công ty đã lập dự phòng cho toàn bộ số vốn góp 3.500.000.000 (tương ứng với 35% vốn điều lệ trong Công ty Cổ phần Thép Thái Đông Á – Thép Pomina TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng hợp tác số 7/HĐ/03141 ngày 26/12/2003 để xây dựng câu lạc bộ bóng đá “Ngân hàng Đông Á – Thép Pomina TP. Hồ Chí Minh”) do Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thép Thái Đông Á – Thép Pomina đang tiến hành thủ tục giải thể công ty này do tình hình thua lỗ kéo dài. Tuy nhiên, đến nay Công ty vẫn chưa nhận được báo cáo tài chính của công ty cổ phần này cũng như các quyết định về quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

9. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Đầu kỳ</u>	<u>Tăng</u>	<u>Phân bổ trong kỳ</u>	<u>Cuối kỳ</u>
Tiền thuê đất trả trước dài hạn				
- Diện tích 37.800 m ²	4.942.832.316	-	(219.938.280)	4.722.894.036
- Diện tích 5.090 m ²	1.735.274.864	-	(71.865.708)	1.663.409.156
- Diện tích 21.716 m ²	13.872.787.935	-	(355.712.508)	13.517.075.427
Chi phí chuẩn bị xây dựng				
- Nhà máy 2	1.488.263.742	-	(496.421.246)	991.842.496
Phí thiết kế	107.807.480	-	(35.935.469)	71.872.011
Lãi mua hàng trả chậm	-	813.711.700	-	813.711.700
Cộng	22.146.966.337	813.711.700	(1.179.873.211)	21.780.804.826

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÉP POMINA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Chi phí trả trước dài hạn (tiếp theo)

Chi tiết các khoản tiền thuê đất trả trước dài hạn bao gồm :

- Diện tích 37.800 m² (lô M) theo hợp đồng thuê lại đất số 25/HĐTLĐ/ST2 ngày 27/12/1999 với thời gian thuê lại đất là 30 năm tính từ ngày được cấp giấy phép thành lập. Ngoài ra, hàng năm Công ty còn phải trả thêm tiền thuê cho Công ty cổ phần phát triển khu công nghiệp Sóng Thần là 37.800 USD (1 USD/m²/năm x 37.800 m²).
- Diện tích 5.090 m² (lô M) theo hợp đồng thuê lại đất số 66/HĐTLĐ/ST2 ngày 23/08/2000 với thời gian thuê lại đất là 30 năm kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng.
- Diện tích 21.716 m² (lô L) theo hợp đồng thuê lại đất số 131/HĐTLĐ/ST2 ngày 12/09/2002 với thời gian hiệu lực của hợp đồng đến hết ngày 31/12/2045.

10. Các khoản vay ngắn hạn

	31/12/2007		01/01/2007
Vay ngắn hạn	600.415.597.158	(a)	614.240.158.680
Nợ dài hạn đến hạn trả	32.628.994.455	(b)	38.624.000.000
Cộng	633.044.591.613		652.864.158.680

(a) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn bao gồm :

- Khoản vay 14.243.843,25 USD (tương đương với 228.328.807.297 đồng) tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng số 010A07 ngày 10/05/2007 với hạn mức tín dụng cho vay là 860 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay là 6 tháng cho từng lần rút vốn. Lãi suất vay USD là Sibor 3 tháng cộng 1,10%/năm và VND là 0,85%/đồng. Hình thức đảm bảo vốn vay là không có đảm bảo bằng tài sản và biện pháp bổ sung là thế chấp, cầm cố quyền sử dụng đất thuê, máy móc thiết bị và các tài sản hình thành từ vốn vay.
- Khoản vay 22.380.934,05 USD (tương đương với 358.766.372.821 đồng) tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – chi nhánh TP.Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 01/2007/94229/HĐ ngày 12/02/2007 với hạn mức tín dụng là 500 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay là 6 tháng cho từng lần rút vốn. Hình thức đảm bảo vốn vay là thế chấp, cầm cố quyền sử dụng đất thuê, máy móc thiết bị, các tài khoản tiền gửi và các khoản phải thu khi ngân hàng yêu cầu.
- Khoản vay 830.968,00 USD (tương đương với 13.320.417.040 đồng) tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Sở Giao dịch II theo hợp đồng tín dụng số 07166009/HĐTDHM ngày 01/06/2007 với hạn mức tín dụng là 200 tỷ đồng; mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán L/C nhập khẩu phôi thép; thời hạn vay là 6 tháng cho từng lần rút vốn. Lãi suất vay USD là Sibor 3 tháng cộng 1,30%/năm và VND là 0,93%/đồng. Hình thức đảm bảo vốn vay là thế chấp nguồn thu hình thành vốn vay.

(b) Chi tiết các khoản vay dài hạn đến hạn trả gồm (xem thêm tại mục 12 dưới đây) :

- Hợp đồng 01/00/HĐ-01/1820 (01/09/2000)	4.999.994.455
- Hợp đồng 01/01/HĐ-01/1820 (22/08/2001)	3.005.000.000
- Hợp đồng 039D03 (27/06/2003)	24.624.000.000

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÉP POMINA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Phải trả người bán và người mua trả trước

	31/12/2007		01/01/2007
Phải trả cho người bán	537.756.126.736	(*)	407.918.853.087
Người mua ứng trước	11.464.976.821		105.865.598.387
Cộng	549.221.103.557		513.784.451.474

(*) Chủ yếu là khoản phải trả người bán như sau :

<u>Nhà cung cấp</u>	<u>Mục đích</u>	<u>Số tiền</u>
Công ty TNHH SX & TM Thép Việt	Mua phôi thép	139.438.632.978
Công ty TNHH 1 thành viên An Phú	Mua phôi thép	80.714.469.034
	Phí tài chính	1.278.584.275
Công ty CP An Phú (ASC)	Mua phôi thép	192.003.751.909
Công ty CP Thép – Thép Việt	Mua phôi thép	79.848.091.365
Công ty TM Xăng dầu đường biển	Mua dầu FO	16.158.750.000
Công ty TNHH TM & DV vận tải Hồng Phúc	Mua dầu FO	6.624.556.890
Công ty TNHH VT TM DV Trần Bình An	Vận chuyển phôi	4.005.141.120

12. Thuế phải nộp

	31/12/2007	01/01/2007
Thuế nhập khẩu	88.787.831	22.954.197.659
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.556.572.718	177.600.244
Thuế thu nhập cá nhân	22.201.077	13.012.713
Thuế tài nguyên (nước)	864.226	-
Cộng	1.668.425.852	23.144.810.616

13. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2007	01/01/2007
Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời chịu thuế (lãi CLTG do đánh giá lại số dư)	141.313.141	-

14. Vay dài hạn

	31/12/2007		01/01/2007
Vay dài hạn			
* Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	8.004.994.455	(a)	30.304.994.455
* Ngân hàng Ngoại thương	79.436.149.192	(b)	104.060.149.192
Trừ : Nợ dài hạn đến hạn trả	(32.628.994.455)		(38.624.000.000)
Cộng	54.812.149.192		95.741.143.647

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÉP POMINA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Vay dài hạn (tiếp theo)

(a) : Đây là các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh bao gồm:

- Khoản vay 4.999.994.455 theo Hợp đồng tín dụng số 01/00/HD-01/1820 ngày 01/09/2000 để đầu tư dàn cán thép. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên 31/03/2001 và bắt đầu trả nợ vay từ tháng 3/2003.

Theo lịch trả nợ, số nợ vay đến hạn thanh toán trong năm 2008 là 4.999.994.455 đồng.

- Khoản vay 3.005.000.000 theo Hợp đồng tín dụng số 01/01/HD-01/1820 ngày 22/08/2001 để đầu tư thiết bị sản làm nguội thép. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên 04/02/2002 và bắt đầu trả nợ vay từ tháng 3/2003.

Theo lịch trả nợ, số nợ vay đến hạn thanh toán trong năm 2008 là 3.005.000.000 đồng.

Các khoản vay ngắn hạn (xem mục 9(a) trên đây) và dài hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam được đảm bảo bằng việc Công ty thế chấp, cầm cố toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của nhà máy 1, tiền thuê đất của lô đất tại lô M cho Ngân hàng. và bảo lãnh cam kết trả nợ thay của Ngân hàng TMCP Đông Á (chủ đầu tư).

(b) : Đây là khoản vay tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng cho dự án đầu tư phát triển số 039D03 ngày 27/6/2003 để thanh toán các chi phí liên quan đến xây dựng cơ bản, trang bị máy móc thiết bị của dự án sản xuất thép hình (nhà máy 2) với số tiền được vay là 147.754.449.000. Thời gian vay là 7 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên 07/01/2004 và bắt đầu trả nợ sau 1 năm 3 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, nợ gốc được hoàn trả trong 24 kỳ hạn, mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng cầm cố toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ vốn vay và thế chấp tiền thuê đất trả trước cho lô đất tại lô L với diện tích 21.716 m².

Theo lịch trả nợ, số nợ vay đến hạn thanh toán trong năm 2008 là 24.624.000.000 đồng.

15. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư chủ sở hữu và các quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo giấy phép thành lập và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 vào ngày 01/10/2007, vốn điều lệ của Công ty là 140 tỷ đồng. Đến ngày 31/12/2007, vốn góp thực tế là 143.298.744.652, (không thay đổi so với thời điểm 31/12/2006). Và trong năm 2007, Hội đồng thành viên đã đồng ý cho ông Nguyễn Hồng Hà chuyển nhượng 15% vốn điều lệ thuộc sở hữu và Công ty TNHH một thành viên An Phú chuyển nhượng 9% vốn điều lệ thuộc sở hữu cho Công ty CP An Phú theo biên bản họp Hội đồng thành viên số 3/BB/0706 ngày 10/05/2007. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu vào ngày 31/12/2007 như sau:

	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Vốn góp tại 31/12/2007</i>
Công ty TNHH TM - SX Thép Việt	56%	80.027.742.331
Ngân hàng TMCP Đông Á	20%	28.718.534.594
Công ty CP An Phú	24%	34.552.467.727
Cộng	100%	143.298.744.652

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÉP POMINA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Tình hình tăng, giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)

Các quỹ

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Các quỹ				
Quỹ ĐT phát triển	1.009.122.176	2.677.842.780	-	3.686.964.956
Quỹ dự phòng TC	2.886.000.000	1.293.000.000	-	4.179.000.000
Quỹ KT, PL	1.740.652.471	1.293.000.000	(709.041.854)	2.324.610.617
	5.635.774.647	5.263.842.780	(709.041.854)	10.190.575.573

Các quỹ tăng trong năm 2007 là từ phân phối lợi nhuận của năm 2006.

16. Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
<i>Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm</i>	<i>12.563.842.781</i>	<i>19.720.097.913</i>
Trừ : Đã phân phối trong năm		
* Quỹ đầu tư phát triển	(2.677.842.780)	(448.097.913)
* Quỹ dự phòng tài chính	(1.293.000.000)	(1.136.000.000)
* Quỹ khen thưởng và phúc lợi	(1.293.000.000)	(1.136.000.000)
* Chia lợi nhuận cho các chủ đầu tư	(7.300.000.000)	(17.000.000.000)
Lợi nhuận sau thuế năm nay	27.129.282.923	25.879.227.456
Điều chỉnh giảm lợi nhuận theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế	(423.875.000)	-
Trừ :		
- Tạm chia lợi nhuận cho các chủ đầu tư	-	(13.300.000.000)
- Thuế TNDN phải nộp thêm theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế	(3.558.003.627)	-
- Các khoản thuế, phạt chậm nộp	(389.519.816)	(15.384.675)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	22.757.884.481	12.563.842.781

17. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu thép tiêu thụ nội địa	5.590.586.284.300	3.417.037.661.264
- Doanh thu thép xuất khẩu	429.828.590.548	350.917.049.788
- Doanh thu phế phẩm, phế liệu	128.567.293.799	82.598.879.189
Doanh thu thuần	6.148.982.168.647	3.850.553.590.241
b) Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.062.953.084	223.017.770
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.038.764.732	-
Cộng	12.101.717.816	223.017.770

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÉP POMINA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thép	5.910.410.191.259	3.649.341.898.989
Giá vốn phế phẩm, phế liệu	128.566.820.231	82.829.359.517
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(436.453.108)	(1.175.785.238)
Cộng	6.038.540.558.382	3.730.995.473.268

19. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	51.953.224.808	41.658.716.237
Chi phí lãi trả chậm	25.235.499.451	22.376.574.229
Lỗ từ hoạt động liên kết	-	3.500.000.000
Lỗ chênh lệch tỉ giá	-	7.188.047.380
Cộng	77.188.724.259	74.723.337.846

20. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí quảng cáo	7.704.790.642	8.569.017.877
Chi phí vật liệu, bao bì	319.279.580	316.421.037
Chi phí vận chuyển	1.599.788.554	1.966.504.206
Chi phí khác	19.374.000	20.214.800
Cộng	9.643.232.776	10.872.157.920

21. Chi phí quản lý

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.165.981.562	2.746.347.509
Chi phí cho chuyên gia	-	89.463.340
Chi phí điện, điện thoại	500.720.384	628.483.268
Khấu hao tài sản cố định	720.158.273	703.322.392
Phí thuê bảo vệ	800.311.127	736.632.000
Dụng cụ quản lý	206.851.938	126.850.234
Chi phí sửa chữa và bảo trì	238.374.673	85.470.317
Phí ngân hàng	941.245.145	502.239.750
Công tác phí	56.938.573	39.878.093
Chi phí khác	614.556.211	587.352.585
Cộng	7.245.137.886	6.246.039.488

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÉP POMINA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

22. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu bồi thường phiêi	691.588.800	43.171.318

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thu nhập chịu thuế được xác định trên cơ sở lợi nhuận theo kế toán. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng là 7,5% (thuế suất 15% và được giảm 50%).

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	29.157.821.960	27.977.543.196
Trừ :		
- Các chi phí phát sinh năm trước được khấu trừ	(2.110.634.798)	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư	(1.884.175.219)	-
Lợi nhuận tính thuế	25.163.011.943	27.977.543.196
Dự trừ thuế TNDN phải nộp	1.887.225.896	2.098.315.740

Đây là khoản dự trừ thuế TNDN phải nộp. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán của cơ quan thuế với khoản dự trừ thuế, nếu có, sẽ được Công ty điều chỉnh sau khi phát sinh.

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời chịu thuế (lãi CLTG do đánh giá lại số dư)	141.313.141	-

25. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm 2007, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan và những nghiệp vụ này được thực hiện theo giá thị trường, chi tiết như sau :

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (mua)/bán
Công ty TNHH Thép Việt	Chủ đầu tư	Mua phôi nguyên liệu Phí tài chính, phí hải quan Bán thép thành phẩm	(931.469.390.588) (13.874.751.974) 5.591.803.592.905
Công ty CP An Phú	Chủ đầu tư	Mua phôi nguyên liệu Phí tài chính, phí hải quan	(251.257.850.837) (8.547.197.888)
Công ty CP Thép Thép Việt	Bên liên quan	Mua phôi nguyên liệu	(393.421.860.829)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÉP POMINA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

25. Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Vào ngày 31/12/2007, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau :

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (mua)/bán</i>
Công ty TNHH Thép Việt	Chủ đầu tư	Phải thu tiền bán thép Phải trả tiền mua phôi	637.075.205.540 (139.438.632.978)
Công ty CP An Phú	Chủ đầu tư	Phải trả tiền mua phôi	(192.003.751.909)
Công ty CP Thép Thép Việt	Bên liên quan	Phải trả tiền mua phôi	(79.848.091.365)

Kế toán trưởng

Ngày 18 tháng 1 năm 2008
Tổng Giám đốc

NGUYỄN NHỰT TRƯỜNG

ĐỖ TIẾN SĨ